

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 09 | Tháng 9 Năm 2020



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS



www.gvlawyers.com.vn



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 09 | Tháng 9 Năm 2020



NỘI DUNG CHÍNH

01

ĐIỂM TIN PHÁP LUẬT

02

BÀI VIẾT

03

ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

04

GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

05

DANH MỤC VĂN BẢN BAN HÀNH TRONG THÁNG





**GLOBAL VIETNAM
LAWYERS**

01 ĐIỂM TIN PHÁP LUẬT

1. Hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm theo Hiệp định CPTTP
2. Quy định mới về cấp giấy phép hoạt động điện lực
3. Quy định mới về kinh doanh hàng miễn thuế
4. Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

❑ Hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm theo Hiệp định CPTTP

Ngày 24/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 95/2020/NĐ-CP về hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) (“**Nghị định 95/2020**”). Theo đó, Nghị định 95/2020 có hiệu lực ngay từ ngày ký ban hành, tức ngày 24/8/2020 và có một số nội dung đáng lưu ý như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Căn cứ Điều 1 và Điều 2 của Nghị định 95/2020, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định CPTTP được quy định như sau:

- Quy định việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, cung cấp hàng hóa nêu tại Phụ lục IV, V và VI kèm theo Nghị định 95/2020 thuộc dự án, dự toán mua sắm của cơ quan mua sắm được liệt kê tại Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo Nghị định 95/2020 khi có giá gói thầu từ ngưỡng giá nêu tại Phụ lục I kèm theo Nghị định 95/2020 trở lên.
- Đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh nêu trên.

2. Nguyên tắc chung khi thực hiện đấu thầu mua sắm theo CPTTP

- Đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ:
 - ✓ Đối xử bình đẳng giữa hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu của các Nước thành viên với hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu trong nước.
 - ✓ Đối xử bình đẳng giữa hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu của các Nước thành viên.
 - ✓ Đối xử bình đẳng giữa các nhà thầu trong nước với nhau, không phụ thuộc vào việc nhà thầu có cổ phần, vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài hoặc phụ thuộc về mặt tổ chức với nước ngoài.
- Quy tắc xuất xứ: xuất xứ của hàng hóa trong gói thầu được xác định theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa.
- Biện pháp ưu đãi trong nước: cơ quan mua sắm được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước theo lộ trình như sau:
 - ✓ Từ ngày 14/01/2019 đến 13/01/2026, cơ quan mua sắm quy định thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 25 ngày, kể từ ngày đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (đối với đấu thầu rộng rãi không lựa chọn danh sách ngắn) hoặc kể từ ngày gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn (đối với đấu thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn) đến ngày có thời điểm đóng thầu.
 - ✓ Từ ngày 14/01/2019 đến 13/01/2029, cơ quan mua sắm áp dụng các biện pháp ưu đãi trong nước theo quy định. Người có thẩm quyền có trách nhiệm xác định tổng giá trị ưu đãi trong nước trong một năm, không vượt quá 40% tổng giá hợp đồng các gói thầu do mình quản lý.
 - ✓ Từ ngày 14/01/2029 đến 13/01/2044, cơ quan mua sắm áp dụng các biện pháp ưu đãi trong nước theo quy định. Người có thẩm quyền có trách nhiệm xác định tổng giá trị ưu đãi trong nước trong một năm, không vượt quá 30% tổng giá hợp đồng các gói thầu do mình quản lý.
 - ✓ Từ ngày 14/01/2044 trở đi, cơ quan mua sắm không được áp dụng các biện pháp ưu đãi trong nước.

3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu

Theo Điều 7 của Nghị định 95/2020, việc bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu được quy định như sau:

- Nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên: Cơ quan mua sắm; nhà thầu tư vấn lập hồ sơ quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển.
- Nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau: Cơ quan mua sắm; nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu đó.
- Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu thực hiện hợp đồng, nhà thầu tư vấn kiểm định gói thầu đó.
- Nhà thầu tham dự gói thầu hỗn hợp phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ thiết kế gói thầu đó, trừ trường hợp các nội dung công việc này là một phần của gói thầu hỗn hợp.
- Nhà thầu tư vấn có thể tham gia cung cấp một hoặc nhiều dịch vụ tư vấn cho cùng một dự án, gói thầu bao gồm: Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, tư vấn giám sát.

Nhà thầu được đánh giá độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu khác; với nhà thầu tư vấn; với cơ quan mua sắm khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- (I) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp.
- (II) Nhà thầu với cơ quan mua sắm không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% của nhau.
- (III) Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức hoặc cá nhân khác với từng bên.

❑ Hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm theo Hiệp định CPTTP

4. Bảo đảm dự thầu

Điều 12 của Nghị định 95/2020 quy định việc bảo đảm dự thầu như sau:

- Chỉ áp dụng trong các trường hợp đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, mua sắm hàng hóa và gói thầu hỗn hợp.
- Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp áp dụng phương thức đấu thầu hai giai đoạn, nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trong giai đoạn hai.
- Các biện pháp bảo đảm dự thầu gồm: đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc nộp Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- Giá trị bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu theo một mức xác định từ 1% đến 3% giá gói thầu căn cứ quy mô và tính chất của từng gói thầu cụ thể.
- Thời gian có hiệu lực tối thiểu của bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu bằng thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu cộng thêm 30 ngày. Trường hợp cần gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu.
- Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong hồ sơ mời thầu.
- Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Tuy nhiên, bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả trong các trường hợp:

- Nếu có thành viên trong liên danh dự thầu vi phạm quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của một Nước thành viên thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.
- Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu.
- Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu.
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày được mời đến thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự.

5. Đối tượng và nguyên tắc áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước trong đấu thầu

Căn cứ Điều 16 và Điều 17 của Nghị định 95/2020, cơ quan mua sắm xác định đối tượng và nguyên tắc áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước đối với hàng hóa, nhà thầu trong nước, hàng hóa, nhà thầu nội khối khi đấu thầu quốc tế như sau:

Đối tượng và nguyên tắc ưu đãi	Hàng hóa, nhà thầu trong nước	Hàng hóa, nhà thầu nội khối		
Đối tượng được hưởng ưu đãi	Đối với gói thầu mua sắm	Được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế để cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên;	Được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu quốc tế để cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất tại các Nước thành viên chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên	
	Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, hỗn hợp	Được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế bao gồm: nhà thầu trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu trong nước khác; nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhận từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu.	Được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu quốc tế bao gồm: nhà thầu nội khối tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu nội khối khác; nhà thầu liên danh trong đó có thành viên liên danh là nhà thầu nội khối và thành viên này đảm nhận từ 50% trở lên giá trị công việc của gói thầu.	
Nguyên tắc ưu đãi	Nhà thầu thuộc đối tượng được áp dụng nhiều loại ưu đãi	Khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi cao nhất theo quy định của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.		
	Đối với gói thầu hỗn hợp, việc tính ưu đãi căn cứ vào tất cả đề xuất của nhà thầu trong các phần công việc tư vấn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ xây dựng.	Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi có đề xuất tổng chi phí trong nước (chi phí tư vấn, hàng hóa, dịch vụ xây dựng) từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu.	Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi có đề xuất tổng chi phí tại các Nước thành viên (chi phí tư vấn, hàng hóa, dịch vụ xây dựng) từ 50% trở lên giá trị công việc của gói thầu.	
	Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất xếp hạng ngang nhau	Ưu tiên cho nhà thầu có đề xuất chi phí trong nước cao hơn hoặc sử dụng nhiều lao động địa phương hơn (tính trên giá trị tiền lương, tiền công chi trả).	Ưu tiên cho nhà thầu có đề xuất chi phí nội khối cao hơn hoặc sử dụng nhiều lao động nội khối hơn (tính trên giá trị tiền lương, tiền công chi trả).	

❑ Hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm theo Hiệp định CPTTP

6. Điều kiện ký kết hợp đồng và bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Sau khi lựa chọn được nhà thầu, chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, đơn vị mua sắm tập trung hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm đối với mua sắm tập trung và nhà thầu được lựa chọn phải tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải tuân thủ điều kiện ký kết hợp đồng quy định tại Điều 82 của Nghị định 95/2020 như sau:
 - ✓ Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
 - ✓ Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng.
 - ✓ Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác thuộc trách nhiệm của mình để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
- Việc bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện theo Điều 84 của Nghị định 95/2020 như sau:
 - ✓ Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn, trừ nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.
 - ✓ Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện theo một trong các biện pháp đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
 - ✓ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo mức xác định từ 2% đến 10% giá hợp đồng.
 - ✓ Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp có quy định về bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:
 - ✓ Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực.
 - ✓ Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.
 - ✓ Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

❑ Quy định mới về cấp giấy phép hoạt động điện lực

Ngày 09/9/2020, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 21/2020/TT-BCT quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực (“**Thông tư 21/2020**”). Thông tư 21/2020 sẽ có hiệu lực từ ngày 26/10/2020 và thay thế cho Thông tư 36/2018/TT-BCT, Thông tư số 15/2019/TT-BCT sửa đổi Thông tư số 36/2018/TT-BCT.

Theo đó, Thông tư 21/2020 có một số nội dung đáng lưu ý sau đây:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Căn cứ Điều 1 của Thông tư 21/2020, trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực được điều chỉnh trong các lĩnh vực:
 - ✓ Tư vấn chuyên ngành điện lực, bao gồm:
 - Tư vấn thiết kế công trình: Thủy điện, điện gió, điện mặt trời, nhiệt điện (than, khí, dầu, sinh khối, chất thải rắn), đường dây và trạm biến áp.
 - Tư vấn giám sát thi công công trình: Thủy điện, điện gió, điện mặt trời, nhiệt điện (than, khí, dầu, sinh khối, chất thải rắn), đường dây và trạm biến áp.
 - ✓ Phát điện; Truyền tải điện; Phân phối điện; Bán buôn điện; Bán lẻ điện.
- Đối tượng áp dụng của Thông tư 21/2020, bao gồm: tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực trong các lĩnh vực như: tư vấn chuyên ngành điện lực, phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện.

2. Trường hợp được miễn trừ giấy phép và phạm vi hoạt động được cấp giấy phép hoạt động điện lực

Theo Điều 3 và Điều 5 của Thông tư 21/2020, trường hợp miễn trừ giấy phép và phạm vi hoạt động trong lĩnh vực được cấp giấy phép hoạt động điện lực được quy định như sau:

Trường hợp miễn trừ giấy phép	Phạm vi hoạt động được cấp giấy phép
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát điện để tự sử dụng không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác. ▪ Phát điện có công suất lắp đặt đến 01 MW để bán điện cho tổ chức, cá nhân khác. ▪ Kinh doanh điện tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo mua điện với công suất nhỏ hơn 50 kVA từ lưới điện phân phối để bán điện trực tiếp tới khách hàng sử dụng điện tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo. ▪ Điều độ hệ thống điện quốc gia và điều hành giao dịch thị trường điện lực. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực có phạm vi hoạt động trong cả nước. ▪ Lĩnh vực truyền tải điện, phân phối điện có phạm vi hoạt động trong phạm vi quản lý, vận hành lưới điện cụ thể. ▪ Lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện có phạm vi hoạt động trong khu vực cụ thể. ▪ Lĩnh vực phát điện có phạm vi hoạt động cho từng nhà máy điện.

3. Nguyên tắc cấp giấy phép và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực

Căn cứ Điều 4 của Thông tư 21/2020, việc giấy phép hoạt động điện lực được thực hiện theo nguyên tắc và thời hạn của giấy phép như sau:

- Trước giai đoạn thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực bán lẻ điện được cấp đồng thời với lĩnh vực phân phối điện, trừ trường hợp đối với đơn vị phát điện đăng ký hoạt động bán lẻ điện, không mua điện từ hệ thống điện quốc gia và có lưới điện để thực hiện hoạt động bán lẻ điện: Giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực bán lẻ điện được cấp đồng thời với lĩnh vực phát điện.
- Giấy phép phát điện được cấp cho tổ chức là đơn vị sở hữu nhà máy điện đối với từng nhà máy.
- Thời hạn tối đa trong giấy phép hoạt động điện lực cấp cho đơn vị hoạt động điện lực quy định như sau:

Lĩnh vực hoạt động điện lực		Thời hạn của giấy phép
Tư vấn chuyên ngành điện lực		05 năm
Phát điện	Nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	20 năm
	Nhà máy điện không thuộc danh mục nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	10 năm
Truyền tải điện		20 năm
Phân phối điện		10 năm
Bán buôn điện, bán lẻ điện		10 năm

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, chuyển giao tài sản, thời hạn giấy phép hoạt động điện lực được cấp theo thời hạn giấy phép cũ.
- Tổ chức, cá nhân đề nghị thời hạn giấy phép hoạt động điện lực ngắn hơn thời hạn quy định thì cấp theo thời hạn đề nghị, trừ trường hợp căn cứ vào điều kiện thực tế về hạng mục công trình điện, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực cấp giấy phép hoạt động điện lực có thời hạn ngắn hơn thời hạn quy định

Quy định mới về cấp giấy phép hoạt động điện lực

4. Thời hạn, hình thức nộp hồ sơ và thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực

Nội dung	Thẩm quyền cấp giấy phép		
	Bộ Công thương	Cục Điều tiết điện lực	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (hoặc uỷ quyền cho Sở Công Thương)
Thời hạn nộp hồ sơ	Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày dự kiến chính thức vận hành thương mại.		
Lĩnh vực cấp giấy phép	Hoạt động truyền tải điện và hoạt động phát điện đối với nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Hoạt động phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện, tư vấn chuyên ngành điện lực và hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất từ 03 MW trở lên không thuộc trường hợp thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực của Bộ Công Thương.	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương. Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương. Hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương. Tư vấn chuyên ngành điện lực, bao gồm: Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương; Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.
Số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> 01 bộ. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. 		
Hình thức nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> Cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.moit.gov.vn Nộp trực tiếp hoặc qua đường dịch vụ bưu chính (nếu hồ sơ điện tử có dung lượng lớn hoặc các tài liệu theo quy định của pháp luật không được gửi qua mạng thông tin điện tử) 		<ul style="list-style-type: none"> Nộp trực tiếp. Dịch vụ bưu chính. Trên trang thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực (nếu có).

5. Trách nhiệm của đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực

Theo quy định tại Điều 14 của Thông tư 21/2020, đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm:

- Hoạt động điện lực theo đúng nội dung quy định trong giấy phép.
- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng giao dịch, loại hình hoạt động, phạm vi hoạt động, thời hạn của giấy phép, đơn vị phải thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.
- Lập hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép hoạt động điện lực trong trường hợp bị thu hồi một phần lĩnh vực, phạm vi hoạt động.
- Đảm bảo các điều kiện hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật trong suốt thời gian hoạt động và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện.
- Nộp đầy đủ các loại phí liên quan đến giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật.
- Không cho thuê, cho mượn, tự sửa chữa nội dung giấy phép hoạt động điện lực.
- Trước ngày vận hành thương mại, các đơn vị phát điện có trách nhiệm hoàn thành:
 - Ký kết Hợp đồng mua bán điện theo quy định.
 - Hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định, Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện (đối với các nhà máy tham gia thị trường điện).
 - Các nội dung quy định khác về quản lý, vận hành nhà máy điện tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

❑ Quy định mới về cấp giấy phép hoạt động điện lực

5. Trách nhiệm của đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực (tiếp theo)

- Chịu sự kiểm tra, thanh tra và chấp hành quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng giấy phép và đảm bảo các điều kiện hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật.
- Lưu giữ bản chính giấy phép hoạt động điện lực đã được cấp tại trụ sở đơn vị và bản sao giấy phép hoạt động điện lực tại văn phòng giao dịch của đơn vị.
- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động điện lực, đơn vị được cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm gửi bản sao Giấy phép hoạt động điện lực đã được cấp đến cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực tại địa phương.
- Trách nhiệm báo cáo
 - ✓ Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực, Sở Công Thương tại địa phương về tình hình hoạt động trong lĩnh vực được cấp phép của năm trước bằng phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi qua hệ thống thư điện tử.
 - ✓ Báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực trong thời hạn 60 ngày trước ngày ngừng hoạt động điện lực hoặc chuyển giao hoạt động điện lực bằng phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.
 - ✓ Báo cáo và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin khi cơ quan cấp giấy phép, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
- Trước khi giấy phép hoạt động điện lực hết thời hạn 30 ngày, đơn vị điện lực được cấp giấy phép có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực và thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định.

6. Trường hợp cho thuê khoán nhà máy, thuê hoặc giao quản lý vận hành nhà máy điện

- Chủ đầu tư nhà máy điện phải chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ liên quan đến quá trình đầu tư, vận hành nhà máy điện theo quy định của pháp luật.
- Đơn vị được thuê khoán nhà máy điện, được thuê hoặc giao quản lý vận hành hoặc được ủy quyền quản lý vận hành nhà máy điện có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến quá trình vận hành nhà máy theo nội dung trong hợp đồng thuê khoán, thuê hoặc giao quản lý vận hành nhà máy điện.



❑ Quy định mới về kinh doanh hàng miễn thuế

Ngày 28/08/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 100/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh hàng miễn thuế thuế (“**Nghị định 100/2020**”). Theo đó, Nghị định 100/2020 sẽ có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2020 và thay thế cho Nghị định 167/2016/NĐ-CP và có một số điểm mới sau đây:

1. Bổ sung đối tượng và điều kiện mua hàng miễn thuế

Căn cứ Điều 3 của Nghị định 100/2020, ngoài các đối tượng được mua hàng miễn thuế theo quy định trước đây, Nghị định 100/2020 còn bổ sung một số đối tượng và điều kiện mua hàng miễn thuế sau đây:

- Người xuất cảnh, quá cảnh sau khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế, ngoài các địa điểm nhận hàng như:
 - ✓ Người xuất cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu đường bộ quốc tế; cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế, cửa khẩu cảng biển loại 1, cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế nằm trong khu vực cách ly.
 - ✓ Người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Hàng hóa miễn thuế được nhận tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu quốc tế nơi hành khách xuất cảnh.
 - ✓ Khách du lịch là người nước ngoài theo đoàn bằng đường biển, có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa khẩu cảng biển loại 1, cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Trường hợp mua hàng miễn thuế trong nội địa thì khách du lịch được nhận hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu cảng biển loại 1 nơi khách du lịch xuất cảnh.

Người mua hàng miễn thuế còn được nhận hàng ở nước ngoài (trừ khách mua hàng trên chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam)

- Hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay xuất cảnh.

2. Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế

Theo quy định tại Điều 6 của Nghị định 100/2020, hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế bao gồm:

- Hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế, bao gồm:
 - ✓ Hàng hóa tạm nhập khẩu từ nước ngoài, khu phi thuế quan, kho ngoại quan đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế là mặt hàng không thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.
 - ✓ Hàng hóa từ nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế là mặt hàng không thuộc danh mục hàng cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu. Trường hợp hàng hóa thuộc mặt hàng xuất khẩu có điều kiện thì phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Hàng hóa từ nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được cơ quan hải quan quản lý, giám sát trên cơ sở thông báo danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
- Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế phải được lưu giữ tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp bán hàng miễn thuế.
- Thời gian lưu giữ hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế không quá 12 tháng kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan. Trường hợp có lý do chính đáng thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế gia hạn một lần không quá 12 tháng.
- Các mặt hàng thuốc lá, xì gà, rượu, bia, bán tại cửa hàng miễn thuế phải dán tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” do Bộ Tài chính phát hành. Vị trí dán tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Tem phải được dán trước khi bày bán tại cửa hàng miễn thuế hoặc trước khi giao cho đối tượng mua hàng trong trường hợp hàng được xuất thẳng từ kho chứa hàng miễn thuế đến đối tượng mua hàng.
- Hàng hóa bị đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng, không được bán phục vụ tiêu dùng: Doanh nghiệp lập biên bản về tình trạng hàng hóa để tiêu hủy (có xác nhận của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế) và tổ chức tiêu hủy theo quy định. Trước khi thực hiện tiêu hủy, doanh nghiệp phải có văn bản thông báo cụ thể về kế hoạch tiêu hủy cho Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế để tổ chức giám sát việc tiêu hủy theo quy định.
- Hàng hóa là hàng mẫu, hàng dùng thử đưa vào cửa hàng miễn thuế cho khách mua hàng dùng thử (giấy thử mùi nước hoa, rượu, mỹ phẩm, nước hoa, ...), túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế cho khách mua hàng, doanh nghiệp thực hiện quản lý riêng hàng hóa này, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và phải báo cáo quyết toán với cơ quan hải quan theo quy định.

❑ Quy định mới về kinh doanh hàng miễn thuế

3. Đồng tiền dùng trong giao dịch bán hàng miễn thuế

Theo quy định tại Điều 7 của Nghị định 100/2020, đồng tiền dùng trong giao dịch bán hàng miễn thuế, ngoài:

- Đồng Việt Nam.
- Đồng tiền của nước có chung biên giới đất liền với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế tại khu vực biên giới.

Còn có:

- Đồng ngoại tệ đô la Mỹ (USD), euro (EUR).
- Đồng tiền của quốc gia nơi các chuyến bay quốc tế của các hãng hàng không được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thực hiện nhập cảnh, quá cảnh tại quốc gia đó.



4. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

Theo quy định tại Điều 19.1 của Nghị định 100/2020, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế ngoài các trách nhiệm khi bán hàng cho các đối tượng mua là:

- Người xuất cảnh, quá cảnh, khách trên tàu bay xuất cảnh, khách du lịch bằng đường biển, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam
- Hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam
- Người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa
- Tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa
- Thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế

Doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện:

- Nhập dữ liệu về thông tin khách hàng và hàng hóa vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Riêng trường hợp bán cho khách chờ xuất cảnh, xuất cảnh, quá cảnh qua cảng hàng không dân dụng quốc tế, việc cập nhật thông tin về khách thông qua việc quét mã vạch trên thẻ lên tàu bay (boarding pass) trước khi thực hiện kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến.
- Khi giao hàng cho khách mua hàng, kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

Ngoài các điểm mới nêu trên, Nghị định 100/2020 còn bổ sung một số quy định mới về thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách; Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất.

❑ Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Ngày 26/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 98/2020/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (“**Nghị định 98/2020**”). Nghị định 98/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2020 và thay thế Nghị định 141/2018/NĐ-CP, Nghị định 185/2013/NĐ-CP và Nghị định số 124/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 185/2013/NĐ-CP (“**Nghị định 185/2013/NĐ-CP**”).

Theo đó, Nghị định 98/2020 được ban hành theo hướng nâng mức phạt tiền hành vi vi phạm hành chính và bổ sung một số quy định mới về hành vi vi phạm đáng chú ý như sau:

1. Đối tượng áp dụng

- Cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, tổ chức gồm:
 - ✓ Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã; các tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và các đơn vị trực thuộc của các tổ chức kinh tế nói trên.
 - ✓ Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.
 - ✓ Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật; hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật vi phạm các quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

2. Mức phạt vi phạm

- Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 100 triệu đồng đối với cá nhân và 200 triệu đồng đối với tổ chức.
- Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm là 200 triệu đồng đối với cá nhân và 400 triệu đồng đối với tổ chức.

3. Hành vi vi phạm về kinh doanh rượu, bia

Ngoài các hành vi vi phạm về kinh doanh rượu, bia theo quy định trước đây, Nghị định 98/2020 còn bổ sung một số hành vi vi phạm về kinh doanh rượu với mức phạt tiền như sau:

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với hành vi sản xuất rượu thủ công có độ cồn từ 5,5 độ trở lên bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại mà không đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt cơ sở sản xuất.
- Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 3 triệu đồng đối với hành vi bán rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên tiêu dùng tại chỗ hoặc kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ mà không đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện theo quy định.
- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với hành vi bán, cung cấp rượu, bia cho người dưới 18 tuổi.
- Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với hành vi sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc sản xuất, mua bán rượu, bia.

4. Bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử

Nghị định 98/2020 bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử với các hành vi sau đây:

- Đối với hành vi vi phạm về thiết lập website thương mại điện tử hoặc ứng dụng thương mại điện tử trên nền tảng di động, mức phạt:
 - Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi:
 - ✓ Không công bố đầy đủ hoặc công bố không chính xác trên website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng thông tin về chủ sở hữu website hoặc ứng dụng bán hàng, thông tin hàng hóa, dịch vụ, thông tin về giá cả, thông tin vận chuyển và giao nhận, thông tin về điều kiện giao dịch chung, thông tin về các phương thức thanh toán theo quy định.
 - ✓ Nhận chuyển nhượng website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng mà không làm thủ tục chuyển nhượng hoặc không tiến hành thông báo lại với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.
 - Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo logo “Đã thông báo” với Bộ Công Thương: Sử dụng biểu tượng đã thông báo để gắn lên website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng khi chưa được duyệt hoặc xác nhận thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

❑ Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

4. Bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử (tiếp theo)

- Đối với hành vi vi phạm về thông tin và giao dịch trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động thì phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi:
 - ✓ Cung cấp thông tin, kinh doanh hoặc buôn bán hàng giả, hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh trên môi trường internet.
 - ✓ Không thực hiện đúng theo các điều khoản của hợp đồng đã giao kết hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng đã giao kết sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động theo quy định.
- Đối với hành vi vi phạm về cung cấp dịch vụ thương mại điện tử:
 - Mức phạt từ 1 triệu đến 5 triệu đồng đối với hành vi: Không cung cấp đầy đủ cho khách hàng thông tin về địa điểm và thời gian đấu giá, thông báo đấu giá hàng hóa, cách thức xác định người mua hàng, thông báo kết quả đấu giá trên website hoặc ứng dụng đấu giá trực tuyến theo quy định.
 - Mức phạt từ 5 triệu đến 10 triệu đồng đối với một trong các hành vi: Không thông báo kết quả đấu giá và gửi đến người bán hàng, người mua hàng và các bên có liên quan theo quy định; Không cung cấp cho người bán hàng thông tin về diễn biến cuộc đấu giá mà người bán hàng tổ chức khi có yêu cầu.
 - Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi:
 - ✓ Đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ trên website hoặc ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử mà không có cơ chế thông báo cho khách hàng sử dụng dịch vụ được biết hoặc không có lý do chính đáng.
 - ✓ Không công bố quy chế hoặc công bố quy chế trên website khác với thông tin tại hồ sơ đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng dịch vụ thương mại điện tử đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận.
 - ✓ Thay đổi các nội dung của quy chế website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng dịch vụ thương mại điện tử mà không thông báo cho các chủ thể sử dụng dịch vụ trước khi áp dụng những thay đổi đó.
 - ✓ Không có cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin của người bán trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động được thực hiện chính xác, đầy đủ.
 - Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng đối với hành vi: Tự ý thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ hoặc di chuyển trái phép thông tin thanh toán của khách hàng trên website hoặc ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc để thông tin thanh toán của khách hàng qua website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng thương mại điện tử bị chiếm đoạt gây thiệt hại cho khách hàng.
 - Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với người sở hữu website thương mại điện tử mà website đó có chức năng thanh toán trực tuyến tuy nhiên không công bố trên website chính sách về bảo mật thông tin thanh toán cho khách hàng.

5. Hành vi vi phạm về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Các hành vi vi phạm về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được Nghị định 98/2020 bổ sung bao gồm các hành vi và mức phạt tiền như sau:

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ giao dịch có giá trị dưới 5 triệu đồng:
 - ✓ Thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, đề nghị giao dịch trực tiếp với đối tượng là người không có năng lực hành vi dân sự hoặc người mất năng lực hành vi dân sự.
 - ✓ Yêu cầu hoặc buộc người tiêu dùng thanh toán chi phí hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp mà không có thỏa thuận trước với người tiêu dùng.
Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người tiêu dùng hoặc lợi dụng thiên tai, dịch bệnh để cung cấp hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng.
- Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:
 - ✓ Không giải trình hoặc giải trình không đúng thời hạn hoặc không cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định.
 - ✓ Từ chối tiếp nhận yêu cầu tiến hành thương lượng của người tiêu dùng hoặc không tiến hành thương lượng với người tiêu dùng trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người tiêu dùng theo quy định.
- Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi giao kết hợp đồng từ xa với người tiêu dùng đối với một trong các trường hợp:
 - ✓ Hạn chế hoặc cản trở người tiêu dùng đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng đã giao kết trong thời hạn mười ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp không đúng, không đầy đủ thông tin theo quy định.
 - ✓ Buộc hoặc yêu cầu người tiêu dùng phải trả chi phí để được phép thực hiện việc chấm dứt hợp đồng đã giao kết ngoại trừ chi phí đối với phần hàng hóa, dịch vụ đã được người tiêu dùng sử dụng.
- Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với hành vi không áp dụng đúng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định.



02

BÀI VIẾT

GV Lawyers xin giới thiệu một bài viết của **Luật sư Lê Quang Vy & Luật sư Nguyễn Thị Hằng** có tiêu đề: **“Tác giả được hưởng lợi ích gì khi EVFTA có hiệu lực?”** được đăng trên website Luật sư Việt Nam Online. Trong bài viết này, các tác giả đã tập trung nghiên cứu và bình luận về các quy định nổi bật liên quan đến Luật Sở hữu trí tuệ của Việt Nam và cam kết đối xử tối huệ quốc của EVFTA về bảo hộ sở hữu trí tuệ nói chung và Quyền tác giả, Quyền liên quan nói riêng.



Luật sư Lê Quang Vy



Luật sư Nguyễn Thị Hằng



Tác giả được hưởng lợi ích gì khi EVFTA có hiệu lực?

(LSO) – Ngày 12/02/2020, Nghị viện Châu Âu đã chính thức phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (“EVFTA”). Đây là một cơ hội nhưng cũng không kém phần thách thức và có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Bên cạnh các quy định nổi bật liên quan đến hàng hóa, xuất nhập khẩu, thuế quan..., các cam kết liên quan đến bảo hộ sở hữu trí tuệ trong đó Quyền tác giả và Quyền Liên quan (Mục B Chương 12 của EVFTA) có nhiều điểm đáng chú ý. Có thể nói, nhìn chung Quyền Tác giả và Quyền liên quan trong Luật Sở hữu Trí tuệ hiện hành của Việt Nam khá tiến bộ, tương đối phù hợp với các quy định trong các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Vì thế, EVFTA quy định để được bảo hộ Quyền tác giả và Quyền liên quan, các Bên phải tuân thủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều ước quốc tế (i) Công ước Berne (Việt Nam đã tham gia năm 2004); (ii) Công ước Rome (Việt Nam đã tham gia năm 2007); (iii) Hiệp định TRIPs (Việt Nam đã tham gia năm 2007); ngoài ra trong thời hạn 3 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, các Bên phải gia nhập Hiệp ước của WIPO và quyền tác giả và Hiệp ước của WIPO về cuộc biểu diễn và bản ghi âm được thông qua tại Gio - ne - vơ ngày 20 tháng 12 năm 1996. Hiện nay, Việt Nam đang tiến hành các thủ tục gia nhập 02 Hiệp ước này. Cũng cần nói thêm, ngay trong Hiệp định CPTPP cũng có điều khoản tương tự như EVFTA, theo đó trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 14/01/2019 (ngày CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam) thì các Bên phải tham gia 2 Hiệp ước này). Như vậy, đến trước ngày 14/01/2022 Việt Nam chắc chắn sẽ phải trở thành thành viên của 02 Hiệp ước WIPO nói trên theo như cam kết quốc tế.

Đối xử tối huệ quốc

Cam kết đầu tiên của EVFTA về bảo hộ sở hữu trí tuệ nói chung và Quyền tác giả, Quyền liên quan nói riêng đó là cam kết đối xử tối huệ quốc. Theo đó, bất kỳ lợi thế, ưu đãi, đặc quyền hoặc miễn trừ nào mà một Bên dành cho công dân của nước thứ ba bất kỳ sẽ được dành cho công dân của Bên kia ngay lập tức và vô điều kiện. Cam kết này cũng có trong các Hiệp định của WTO, trong đó có Hiệp định TRIPs về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ giữa các quốc gia thành viên WTO. Điều này mang đến cơ hội cho giới văn nghệ sĩ và các nhà tư vấn luật bản quyền tác giả, trong việc nghiên cứu, tìm tòi và áp dụng các “case study” ở các nước khác nhau để xem xét và áp dụng cho trường hợp của chính mình tại Việt Nam. Bởi vì trong một “thế giới phẳng” như ngày nay, thị trường âm nhạc nói riêng và hoạt động văn hóa nghệ thuật nói chung ngày càng phát triển trên môi trường internet, dường như các trao đổi giao lưu đã không còn biên giới. Do đó, các tranh chấp bản quyền giữa văn nghệ sĩ Việt Nam với các chủ thể ở quốc gia khác, cũng như giữa các nghệ sĩ trên thế giới với các chủ thể tại Việt Nam là không thể tránh khỏi. Vì vậy, việc các Bên trao cho nhau quy chế đối xử tối huệ quốc là một điều công bằng, có đi có lại theo chuẩn mực quốc tế.

Quyền độc quyền của tác giả và của người biểu diễn

Theo EVFTA, mỗi Bên phải cho phép tác giả có độc quyền cho phép hoặc cấm “việc sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào một phần hoặc toàn bộ tác phẩm của mình”. Đối với vấn đề này, pháp luật Việt Nam cũng có quy định tương ứng tại Điều 20, Điều 28.6 của Luật Sở hữu trí tuệ và Điều 3.1 của Nghị định 22/2018/NĐ-CP, theo đó Luật Việt Nam định nghĩa Bản sao của tác phẩm là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào. Việc sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Tương tự vậy, các quyền độc quyền của người biểu diễn, Luật SHTT hiện hành của Việt Nam cũng đã đáp ứng được các quy định của EVFTA cơ bản gồm các quyền như (i) định hình cuộc biểu diễn; (ii) S\ sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp cuộc biểu diễn của mình; (iii) phát sóng hoặc truyền theo cách khác đến công chúng cuộc biểu diễn của mình; (iv) phân phối đến công chúng cuộc biểu diễn của mình qua hình thức bán, cho thuê hoặc chuyển giao quyền sở hữu.

Quyền được hưởng thù lao của người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi

EVFTA quy định cho phép người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm có quyền được hưởng thù lao hợp lý được trả bởi người sử dụng khi bản ghi âm đã được công bố nhằm mục đích thương mại hoặc bản sao của bản ghi âm đó được sử dụng để phát sóng bằng phương tiện vô tuyến hoặc để truyền đạt tới công chúng. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng khoản thù lao này được phân chia giữa những người biểu diễn và những nhà sản xuất bản ghi âm có liên quan. Mỗi có thể quy định những điều kiện để phân chia khoản tiền thù lao này trong trường hợp không có thỏa thuận giữa người biểu diễn và những nhà sản xuất bản ghi âm.

Điều 33 Luật SHTT Việt Nam có quy định về quyền được hưởng thù lao của người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại và trong hoạt động kinh doanh, thương mại. Việc trả thù lao này theo thỏa thuận, trong trường hợp không thỏa thuận được thì theo quy định của Chính phủ hoặc khởi kiện tại Tòa án. Như vậy Luật SHTT hiện hành của Việt Nam chưa có quy định về những điều kiện để phân chia khoản tiền thù lao này trong trường hợp không có thỏa thuận giữa người biểu diễn và người ghi âm. Tuy EVFTA không bắt buộc phải quy định mà chỉ “có thể” quy định các điều kiện hưởng thù lao. Nhưng thiện nghĩ để luật pháp được rõ ràng giúp các bên có chuẩn để theo đó áp dụng. Việt Nam cần bổ sung các điều kiện để phân chia các khoản thù lao giữa nhà sản xuất và người biểu diễn.

Quy định về quyền bán lại của nghệ sĩ đối với tác phẩm nghệ thuật

EVFTA quy định vì lợi ích của tác giả bản gốc tác phẩm nghệ thuật, mỗi Bên có thể quy định quyền bán lại, được xác định như một quyền không thể chuyển nhượng, được nhận một khoản tiền bản quyền dựa trên giá bán cho bất kỳ lần bán lại nào của tác phẩm sau khi tác giả chuyển giao tác phẩm lần đầu tiên. Đây là một quy định khá hay, bảo đảm cho tác giả được hưởng thêm lợi ích từ tác phẩm của mình và đã được nhiều nước trên thế giới quy định. Cụ thể, Luật Quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật Thụy Điển gọi đó là Quyền thù lao đặc biệt (Điều 26j Chương IIa).

Theo đó, thù lao đối với việc bán lại các bản sao tác phẩm nghệ thuật là khi bản sao của tác phẩm nghệ thuật đã được chuyển giao được thương nhân bán lại trong thời hạn bảo hộ quyền tác giả khi người này thực hiện hoạt động kinh doanh của mình, tác giả có quyền nhận tiền thù lao từ người bán. Tác giả cũng có quyền nhận tiền thù lao trong các trường hợp khác, khi mà việc buôn bán do thương nhân thực hiện trong phạm vi hoạt động kinh doanh của họ. Trong trường hợp này tiền thù lao sẽ do thương nhân đó trả. Tiền thù lao là 5% giá bán buôn không tính thuế giá trị gia tăng. Quyền nhận thù lao đặc biệt này mang tính cá nhân và không thể chuyển giao.



Luật SHTT Việt Nam không quy định về quyền bán lại của tác giả đối với tác phẩm nghệ thuật, hay quyền thù lao đặc biệt như Luật của Thụy Điển. Việc chuyển giao Quyền tác giả, Quyền liên quan tại Việt Nam được xác lập trên cơ sở Hợp đồng chuyển nhượng hoặc Hợp đồng chuyển quyền sử dụng. Theo đó, các bên tự thỏa thuận trong Hợp đồng về tiền bản quyền. Việc tác giả có nhận được thêm thù lao khi bên mua tác phẩm chuyển nhượng lại cho bên thứ ba tác phẩm đó, tuy Luật SHTT chưa điều chỉnh, nhưng trên cơ sở các vấn đề dân sự nếu không trái với luật pháp và đạo đức xã hội thì các bên vẫn được quyền tự thỏa thuận trong Hợp đồng. Nhưng thiết nghĩ, với điều khoản Quyền bán lại của nghệ sĩ đối với tác phẩm nghệ thuật được quy định trong EVFTA, hoặc tham khảo Quyền thù lao đặc biệt như Luật Thụy Điển đã dẫn nêu trên, nhằm mục đích đảm bảo quyền lợi của các tác giả cũng như khuyến khích tinh thần sáng tạo trong xã hội, Luật SHTT Việt Nam nên bổ sung để vấn đề này trở thành một điều khoản luật định.

Có thể nói Luật SHTT của Việt Nam về cơ bản hầu như đã đáp ứng các yêu cầu của EVFTA. Các điều khoản về Thời hạn bảo hộ; Bảo hộ các biện pháp công nghệ, Bảo hộ thông tin quản lý quyền; Hợp tác về quản lý tập thể quyền... Luật SHTT Việt Nam đều có những điều khoản tương thích với EVFTA. Vấn đề còn lại mà giới văn nghệ sĩ cũng như các nhà tư vấn luật mong chờ đó là cơ chế thực thi hiệu quả. Bởi suy cho cùng văn bản luật pháp là “tĩnh” chỉ có thực thi “động” mới là sức sống và có giá trị đích thực.

❑ **Cần trọng với các rủi ro pháp lý của hợp đồng gửi qua e-mail**

Ngày 26/8/2020, tại cuộc hội thảo trực tuyến với chủ đề “*Chuyển đổi số và những điểm pháp lý quan trọng nhằm tận dụng cơ hội từ Hiệp định EVFTA*” do Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) và Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (ITPC) phối hợp tổ chức, ông Đinh Quang Thuận - Luật sư Thành viên của GV Lawyers - Hòa giải viên Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) với vai trò là diễn giả chính đã chia sẻ, pháp luật Việt Nam chỉ mới quy định rõ ràng về các hợp đồng điện tử được ký kết bằng chữ ký số và chữ ký số được chứng thực (Nghị định 130/2018/NĐ-CP). Với hành lang pháp lý này thì các hợp đồng giao kết có chữ ký số là an toàn tuyệt đối.

Ngược lại, hình thức giao kết khác khá phổ biến ở Việt Nam là ký chữ ký sống trên hợp đồng bản giấy (file cứng) rồi chuyển thành hình ảnh và luân chuyển qua lại bằng thư điện tử (e-mail) lại chứa đựng nhiều rủi ro pháp lý.

Theo Luật sư Thuận, đã có nhiều trường hợp xảy ra có liên quan đến hình thức giao kết hợp đồng này khi một bên muốn chối bỏ nghĩa vụ.

Thứ nhất, một bên cho rằng thư điện tử không do họ gửi và bên còn lại cũng không chứng minh được đã từng nhận.

Thứ hai, một bên cho rằng nội dung của tệp hợp đồng đã bị thay đổi, điều mà chuyên gia trong ngành công nghệ thông tin xác nhận là có khả năng xảy ra.

Lại có trường hợp một bên cho rằng thư điện tử họ nhận được không được gửi từ người có thẩm quyền hoặc gửi đến người không có thẩm quyền.

“Việc giao kết hợp đồng là từ giám đốc, người đại diện pháp lý. Nhưng thực tế vận hành thì ông giám đốc không trực tiếp scan hợp đồng rồi gửi e-mail đến cho đối tác mà giao việc này cho cấp dưới. Tuy nhiên, khi một bên muốn phủ nhận thì họ có thể đưa ra lý do người gửi không đủ thẩm quyền”, luật sư Thuận nói.

Do đó, lời khuyên với doanh nghiệp là nếu ký sống vào hợp đồng, chuyển hình ảnh qua e-mail thì giao dịch này cần thực hiện bằng thư điện tử có tên miền riêng, được đăng ký riêng, tránh dùng tên miền gmail, hotmail, yahoo... Tất nhiên, có thể loại trừ trường hợp các địa chỉ e-mail có tên miền này đã được xác nhận, chứng thực trước đó hoặc cung cấp chính thức trên trang web của đối tác. Khi giao dịch với người không phải là đại diện pháp luật thì phải gửi thư theo nhóm, có mặt của người này để được đảm bảo về sau.

Ngoài ra, để tránh gặp những rắc rối khi có tranh chấp xảy ra thì nên chọn phương thức giải quyết bằng trọng tài.

Nếu không chọn trọng tài thì vụ việc sẽ rơi vào tòa án. Tòa ở Việt Nam còn bảo thủ, quen theo phương thức cũ. Việc đánh giá các bằng chứng bằng e-mail, phương thức điện tử không được chấp nhận”, luật sư Thuận nhấn mạnh.

Cũng theo luật sư Thuận, các hợp đồng được luân chuyển qua e-mail do không được pháp luật quy định rõ nên chỉ có giá trị khi hai bên chứng minh được bằng những bằng chứng xác thực, được chấp nhận. Đã có trường hợp ông phải mang chiếc máy tính có gửi e-mail hợp đồng đến để tòa xem trực tiếp. Ngược lại, cũng có công ty ở nước ngoài phải mang cả chiếc máy tính đã được dùng gửi e-mail đến Việt Nam để chứng minh.

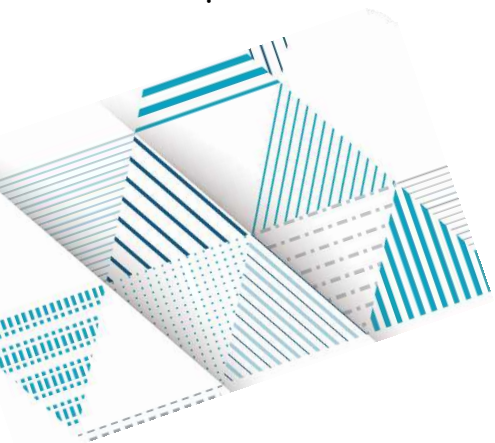
Trong bối cảnh dịch Covid-19 hoành hành, biên giới các quốc gia chưa mở thì hình thức giao kết hợp đồng điện tử mang lại những tiện ích về chi phí, thời gian. Tuy nhiên, với nhiều doanh nghiệp Việt Nam, hình thức này chưa phổ biến.

Nếu ký sống vào hợp đồng, chuyển hình ảnh qua e-mail thì giao dịch này cần thực hiện bằng thư điện tử có tên miền riêng, được đăng ký riêng, tránh dùng tên miền gmail, hotmail, yahoo... Tất nhiên, có thể loại trừ trường hợp các địa chỉ e-mail có tên miền này đã được xác nhận, chứng thực trước đó hoặc cung cấp chính thức trên trang web của đối tác.

Khi giao dịch với người không phải là đại diện pháp luật thì phải gửi thư theo nhóm, có mặt của người này để được đảm bảo về sau.

Ngoài ra, để tránh gặp những rắc rối khi có tranh chấp xảy ra thì nên chọn phương thức giải quyết bằng trọng tài.

Theo Tâm An, thesaigontimes.vn



❑ Ứng phó thích hợp với những rủi ro pháp lý do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 gây ra

Ngày 18/6/2020, Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (ITPC) đã phối hợp với Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) tổ chức hội thảo “Một số lưu ý cho doanh nghiệp khi khôi phục hoạt động sau dịch Covid-19”. Sự kiện nhằm mục đích hỗ trợ doanh nghiệp (DN) cập nhật thông tin thị trường, phòng ngừa rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp, khôi phục lại hoạt động kinh doanh, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 gần như được kiểm soát...

Tại hội thảo, ông Lương Văn Lý - cố vấn cao cấp Công ty Luật Global Vietnam Lawyers – Trọng tài viên VIAC, cũng nêu lên các loại tranh chấp phổ biến do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 gây ra như: tranh chấp về hợp đồng thuê mặt bằng, hợp đồng mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, phổ biến nhất là đặt phòng khách sạn, tổ chức tour du lịch, hợp đồng lao động...



Bên cạnh đó là những tranh chấp do các bên gặp khó khăn về lưu chuyển tiền tệ, suy giảm đáng kể hoặc mất khả năng chi trả do cách ly, giãn cách xã hội; do sự cố đột xuất, không lường trước, có hậu quả nghiêm trọng, không xác định được thời gian phục hồi...

Với các loại tranh chấp nêu trên, DN sẽ gặp một số vướng mắc trong giải quyết như là hoãn thực hiện, điều chỉnh hay hủy hợp đồng; nếu giải quyết thì sẽ căn cứ trên cơ sở quy định nào của pháp luật cho phù hợp; tranh chấp đó có được áp dụng điều khoản “bất khả kháng” hay chỉ là “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”.

Chính vì thế, DN nên tìm hiểu kỹ xem nội dung về điều kiện “bất khả kháng” trong hợp đồng có quy định trường hợp dịch bệnh cụ thể hay không. Nếu là “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”, DN cần cân nhắc đưa tranh chấp ra tòa án giải quyết vì chỉ có tòa án mới có thẩm quyền quyết định biện pháp khắc phục. Tuy nhiên, DN cũng nên xem xét thời điểm khởi kiện và nơi tiến hành khởi kiện (tòa án hay trọng tài), phương thức hòa giải cũng nên được quan tâm xem xét thấu đáo, đảm bảo lợi ích các bên và tránh mất thời gian lẫn chi phí.

Ông Lương Văn Lý cũng cung cấp nhiều thông tin liên quan đến trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp tại tòa và nhờ trọng tài. Qua đó, giúp DN phân biệt được sự khác nhau giữa 2 hình thức giải quyết để có sự lựa chọn phù hợp.

❑ Sẽ bổ sung làm rõ các nội dung của hợp đồng mua bán condotel

Trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Bình Định về đề xuất quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ đối với người mua căn hộ nghỉ dưỡng, căn hộ khách sạn (condotel), Bộ Xây dựng cho biết, theo quy định của pháp luật hiện hành, quyền và nghĩa vụ của người mua bất động sản là nhà, công trình xây dựng nói chung và bất động sản không phải là nhà ở, căn hộ nghỉ dưỡng, căn hộ khách sạn nói riêng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản, pháp luật về dân sự, pháp luật về đất đai...

Theo đó, tại Điều 23 và Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 đã có quy định về các quyền và nghĩa vụ của bên mua nhà, công trình xây dựng; Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có các quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong các giao dịch dân sự, Luật Đất đai đã có các quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ sử dụng đất...

“Xuất phát từ thực tế phát sinh trong quản lý đầu tư xây dựng, kinh doanh cũng như các giao dịch về bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 276/BXD-QLN ngày 20/01/2020 hướng dẫn UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương để tăng cường quản lý đầu tư, xây dựng, kinh doanh loại hình bất động sản này”, Bộ Xây dựng nêu.

Đồng thời, Bộ Xây dựng đang nghiên cứu đề xuất Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung Nghị định số 76/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản, trong đó sẽ bổ sung làm rõ các nội dung của hợp đồng mua bán các bất động sản này và quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên trong các giao dịch này.

Liên quan tới quyền lợi người mua condotel, trước đó, Cục Cảnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Công thương đưa ra trong thông báo khuyến cáo chủ đầu tư và khách hàng về việc chấp hành pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Cục này khẳng định các khách hàng mua căn hộ condotel không phải là người tiêu dùng và không thuộc đối tượng áp dụng của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các tranh chấp phát sinh từ giao dịch này được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

Như vậy, khách hàng mua condotel sẽ không được cơ quan bảo vệ người tiêu dùng bảo vệ quyền lợi.

Bộ Xây dựng cho biết cả nước hiện có khoảng 30.000 cơ sở lưu trú du lịch và khoảng 6 triệu m² văn phòng cho thuê. Cụ thể, có khoảng 16.500 căn officitel (căn hộ văn phòng kết hợp khách sạn) và 39.100 căn condotel (căn hộ du lịch) đã được đầu tư xây dựng. Nhưng đến nay các vấn đề pháp lý với căn hộ condotel vẫn chưa rõ ràng, đang có sự vênh nhau về quan điểm giữa cơ quan quản lý về đất đai và cơ quan quản lý xây dựng trong việc cấp sổ hồng cho căn hộ condotel.

❑ Chính sách thuế đối với hoạt động quảng cáo trên Facebook, Google

- Trường hợp Công ty có phát sinh dịch vụ quảng cáo trực tuyến trên Facebook, Google nếu khoản chi này đáp ứng đủ các điều kiện thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có tờ khai và chứng từ nộp thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Trường hợp Công ty có ủy quyền cho cá nhân là người lao động trong Công ty sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân để thanh toán tiền dịch vụ nêu trên, sau đó Công ty sẽ thanh toán cho cá nhân thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng từ tài khoản của Công ty vào tài khoản của cá nhân (thẻ tín dụng do Công ty mở cho cá nhân tại Ngân hàng), nếu hình thức thanh toán này được quy định cụ thể tại Quy chế tài chính hoặc Quyết định về việc ủy quyền của Công ty cho cá nhân thì cũng được coi là chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 173/2016/TT-BTC.

Cục Thuế Thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Ngọc tại Công văn số 78002/CT-TTHT ngày 24/08/2020

❑ Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020

- Trường hợp Công ty thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội đồng thời có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thì Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020. Công ty căn cứ vào điều kiện được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 để tự xác định số thuế được giảm khi tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.
- Trường hợp Công ty có kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo năm tài chính không trùng năm dương lịch thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của năm 2020 xác định phù hợp với kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp.

Cục Thuế Thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Maps Việt Nam tại Công văn số 77768/CT-TTHT ngày 21/08/2020.

❑ Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sau khi chấm dứt hợp đồng lao động

- Trường hợp Văn phòng đại diện chi trả các khoản lợi ích và các khoản thưởng cho người lao động (ký hợp đồng lao động với Công ty từ 03 tháng trở lên) sau khi đã chấm dứt hợp đồng lao động, nếu khoản chi này từ hai triệu (2.000.000) đồng trở lên thì Văn phòng đại diện phải khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (TNCN) theo mức 10% trên tổng thu nhập trước khi trả cho người lao động (trừ các khoản thu nhập được trừ khi tính thuế TNCN, thu nhập được miễn thuế TNCN).
- Cuối năm, cá nhân phải tổng hợp các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công để thực hiện quyết toán thuế TNCN nếu thuộc đối tượng phải quyết toán thuế TNCN theo hướng dẫn tại Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Cục Thuế Thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Văn phòng đại diện Chemonics International, Inc tại Hà Nội tại Công văn số 78764/CT-TTHT ngày 26/08/2020.

❑ Nhập khẩu máy thở

Liên quan đến việc Công ty TNHH Văn Lang HealthCare (“**Công ty**”) xin hỗ trợ xác nhận 2000 máy thở Eliciae MV20 nhập khẩu để viện trợ nhân đạo cho Chính phủ, Bộ Y tế phòng chống dịch Covid-19 thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu và không chịu thuế GTGT. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

- **Về thuế nhập khẩu:** Căn cứ Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 57/2010/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP thì máy thở thuộc mã hàng 9019.20.00 “*Máy trị liệu bằng ozon, bằng oxy, bằng xông, máy hô hấp nhân tạo hoặc máy hô hấp trị liệu khác*” và mã hàng 9020.20.00 “*Thiết bị thở khác*” có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 0%.

▪ Về thuế GTGT

- ✓ Trường hợp Công ty nhập khẩu 2000 máy thở Eliciae MV20 từ nước ngoài đã làm thủ tục nhập khẩu, sau đó, viện trợ không hoàn lại cho Chính phủ Việt Nam (thuộc viện trợ trong nước) không thuộc các trường hợp nhập khẩu hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 (từ ngày 17/9/2020 bị thay thế bởi Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020), Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020, Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ do đó, không thuộc các trường hợp được Bộ Tài chính hoặc Sở Tài chính xác nhận hàng viện trợ, vì vậy, hàng hóa nhập khẩu của Công ty không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT quy định tại khoản 19 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH11 ngày 03/6/2008, khoản 9 Điều 3 Nghị định số 209/2003/NĐ-CP ngày 18/12/2013, khoản 19 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.
- ✓ Trường hợp mặt hàng máy thở nhập khẩu của Công ty được Bộ Y tế xác nhận là các dụng cụ, thiết bị chuyên dùng cho y tế theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TT-BTC thì Công ty nộp thuế GTGT với mức thuế suất thuế GTGT là 5%. Trường hợp không có xác nhận của Bộ Y tế thì áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

- **Về chính sách quản lý mặt hàng:** Công ty thực hiện theo quy định tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016, Nghị định số 03/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 và Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018.

Tổng cục Hải quan trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Văn Lang HealthCare tại Công văn số 5583/TCHQ-TXNK ngày 21/08/2020.

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 101/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ	28/08/2020	15/11/2020
2	Nghị định 100/2020/NĐ-CP về việc kinh doanh hàng miễn thuế	28/08/2020	15/10/2020
3	Nghị định 99/2020/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí	26/08/2020	11/10/2020
4	Nghị định 98/2020/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	26/08/2020	15/10/2020
5	Nghị định 97/2020/NĐ-CP về tăng mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển trong vận chuyển bằng đường hàng không	26/08/2020	15/10/2020
6	Nghị định 96/2020/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia	24/08/2020	10/10/2020
7	Nghị định 95/2020/NĐ-CP về việc hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	24/08/2020	24/08/2020
8	Nghị định 94/2020/NĐ-CP về việc quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia	21/08/2020	05/10/2020
9	Nghị định 93/2020/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện	18/08/2020	05/10/2020
10	Nghị định 91/2020/NĐ-CP về việc chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác	14/08/2020	01/10/2020
11	Nghị định 90/2020/NĐ-CP về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	13/08/2020	20/08/2020
12	Nghị định 89/2020/NĐ-CP quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam	04/08/2020	20/09/2020
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ			
1	Quyết định 22/2020/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo Nghị quyết 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ	10/08/2020	10/08/2020
BỘ Y TẾ			
1	Công văn 4674/BYT-MT về việc hướng dẫn y tế phòng, chống dịch COVID-19 đối với người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày)	31/08/2020	31/08/2020
2	Thông tư 15/2020/TT-BYT về việc ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá	10/08/2020	06/10/2020
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Thông tư 78/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự	14/08/2020	01/10/2020
2	Thông tư 77/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 81/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp	14/08/2020	28/09/2020
3	Thông tư 73/2020/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán	07/08/2020	01/10/2020
BỘ CÔNG THƯƠNG			
1	Thông tư 19/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN	14/08/2020	27/09/2020
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI			
1	Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH việc ban hành Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	20/08/2020	05/10/2020
BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM			
1	Quyết định 1040/QĐ-BHXH về việc ban hành mẫu Báo cáo tình hình sử dụng lao động và danh sách tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	18/08/2020	18/08/2020
2	Công văn 2533/BHXH-BT về việc tiếp tục thực hiện tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất	10/08/2020	10/08/2020

Liên Hệ Với Chúng Tôi

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – Tp. HCM

Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 6, Quận 3
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 3, Tòa nhà Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam

www.gvlawyers.com.vn

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phân hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

